CHƯƠNG 6

ततो हृते भर्तरि गौरवेण प्रीतौ हृतायामरतौ कृतायां।

तत्रैव हर्म्योपरि वर्तमाना न सुन्दरी सैव तदा बभासे ॥ १ ॥

Ngay chính vào thời điểm ấy, nàng Sundarì tuy vẫn còn ở tầng trên của tòa lâu đài, nhưng giờ đây dáng vẻ của nàng không còn như xưa nữa; bởi vì, sau khi chồng đã được Bậc Đạo-sư dẫn đi thì sự vui thú cũng đi theo chàng, và nỗi buồn sầu lại xâm chiếm. (1)

सा भर्तुरभ्यागमनप्रतीक्षा गवाक्षमाक्रम्य पयोधराभ्यां।

द्वारोन्मुखी हर्म्यतलाल्लम्बे मुखेन तिर्यङ्न्तकुण्डलेन ॥ २ ॥

Sundarì tì bộ ngực ở cửa sổ mong chờ sự trở về của chồng, rồi nàng thẩn thờ đi lại ở tầng trên của tòa nhà, ngóng nhìn về phía cổng thành với khuôn mặt có đôi bông tai đong đưa xéo ngang ở phía trước. (2)

विलम्बहारा चलयोक्तका सा तस्माद्विमानाद्विनता चकाशे।

तपःक्षयादप्सरसां वरेव च्युतं विमानात्प्रियमीक्षमाणा ॥ ३ ॥

Khi chồm người ra từ lan can, Sundarì, với các chuỗi ngọc và những chùm bông tai đong đưa vắt vẻo, trông giống như nàng tiên nữ đệ nhất đang nhìn theo người yêu bị đày khỏi thiên đình khi phước báu của việc hành khổ hạnh* không còn. (3)

सा खेदसंस्विन्नललाटकेन निश्वासनिष्पीतविशेषकेण ।

चिन्ताचलाक्षेण मुखेन तस्थौ भर्तारमन्यत्र विशङ्कमाना ॥ ४ ॥

Với khuôn mặt có ánh mắt đăm chiêu, với vết son đã khô ráo bởi những hơi thở dài buồn bực, với vầng trán lấm tấm mồ hôi của tuyệt vọng, nàng đứng ở đó, lo âu về người chồng đang ở tận đâu đâu. (4)

ततश्चिरस्थानपरिश्रमेण स्थितैव पर्यङ्कतले पपात ।

तिर्यक् शिश्ये प्रविकीर्णहारा सपादुकैकार्धविलम्बपादा ॥ ५ ॥

Sau đó, kiệt quệ vì đứng đã lâu, Sundarī trong khi đang đứng đã té nhào xuống trên mặt giường. Và nàng nằm dài ra đó với chuỗi ngọc bông tai vung vải trên người và đôi hài chỉ còn vướng ở một nửa bàn chân. (5)

अथात्र काचित्प्रमदा सबाष्पां तां दुःखितां द्रष्टुमनीप्समाना ।

प्रासादसोपानतलप्रणादं चकार पद्भ्यां सहसा रुदन्ती ॥ ६ ॥

Cũng chính ở nơi đó, một cô nữ tỳ, vì không thể cầm lòng khi trông thấy Sundarī với những giòng nước mắt và nỗi niềm đau khổ, đã òa lên khóc nức nở, rồi dùng sức mạnh của đôi chân dậm thình thịch lên bậc cầu thang của lâu đài. (6)

तस्याश्च सोपानतलप्रणादं श्रुत्वैव तूर्णं पुनरुत्पपात ।

प्रीत्यां प्रसक्तैव च संजहर्ष प्रियोपयानं परिशङ्कमाना ॥ ७ ॥

Khi vừa nghe tiếng dậm chân thình thịch ở cầu thang của cô nữ tỳ, Sundarī lập tức chồm dậy ngay, trong lòng hứng khởi và tràn ngập niềm ngây ngất, ngỡ rằng người yêu đã trở về. (7)

सा त्रासयन्ती वलभीपुटस्थान् पारावतान्नूपुरनिस्वनेन।

सोपानकुक्षिं प्रससार हर्षाद्भ्रष्टं दुकूलान्तमचिन्तयन्ती ॥ ८ ॥

Vì quá vui mừng, nàng đã lao nhanh xuống các bậc thang, không màng đến gấu của chiếc áo choàng đã bị rơi xuống, khiến các chú chim bồ câu đang đậu trên mái nhà hốt hoảng bởi tiếng kêu leng keng của chiếc vòng kiềng ở chân nàng. (8)

तामङ्गनां प्रेक्ष्य च विप्रलब्धा निश्चस्य भूयः शयनं प्रपेदे।

विवर्णवक्त्रा न रराज चाशु विवर्णचन्द्रेव हिमागमे द्यौः ॥ ९ ॥

Khi trông thấy người tỳ nữ, nàng trở nên thất vọng thở dài, rồi quay trở về lại chiếc giường. Trong khoảnh khắc, khuôn mặt của nàng không còn vẻ rực rỡ và nhợt nhạt trông như ánh trăng mờ ảo của bầu trời lúc đông về. (9)

सा दुःखिता भर्तुरदर्शनेन कामेन कोपेन च दह्यमाना।

कृत्वा करे वक्त्रमुपोपविष्टा चिन्तानदीं शोकजलां ततार ॥ १० ॥

Khổ đau vì không gặp lại chồng, lòng nung nấu bởi yêu thương và hờn giận, nàng ngồi xuống, khuôn mặt tựa vào cánh tay, rồi đắm chìm trong làn nước não sầu của giòng sông, đăm chiêu suy nghĩ. (10)

तस्या मुखं पद्ममपत्रभूतं पाणौ स्थितं पल्लवरागताम्रे।

छायामयस्याम्भसि पङ्कजस्य बभौ नतं पद्ममिवोपरिष्टात् ॥ ११ ॥

Khuôn mặt nàng, là đối thủ cạnh tranh với các đóa hoa sen, đang được tựa trên bàn tay màu đỏ hồng như một nụ sen chưa nở, trông giống như một đóa sen nghiêng mình phía trên hình bóng phản chiếu ở mặt nước của một đóa hoa sen khác. (11)

सा स्त्रीस्वभावेन विचिन्त्य तत्तद्दृष्टानुरागेऽभिमुखेऽपि पत्यौ ।

धर्माश्रिते तत्त्वमविन्दमाना संकल्प्य तत्तद्विललाप तत्तत् ॥ १२ ॥

Sundarī, với bản chất của người phụ nữ, sau khi suy xét tận tường đã nhận thức rằng, chồng nàng vẫn còn say đắm và chung thủy với nàng nhưng sao lại ra đi theo Giáo-pháp. Càng suy nghĩ mà vẫn không tìm ra lý do thật sự của vấn đề, nàng lại càng than van rên rỉ: (12)

एष्याम्यनाश्यानविशेषकायां त्वयीति कृत्वा मयि तां प्रतिज्ञां ।

कस्मान्नु हेतोर्दयितप्रतिज्ञः सोऽद्य प्रियो मे वितथप्रतिज्ञः ॥ १३ ॥

- "Chàng đã hứa hẹn với ta rằng: 'Anh sẽ trở về bên em khi vết son hãy còn chưa khô.' Người yêu của ta rất tôn trọng lời hứa, vậy thì lý do gì mà hôm nay chàng lại quên đi lời hứa của mình ?" (13)

आर्यस्य साधोः करुणात्मकस्य मन्नित्यभीरोरतिदक्षिणस्य ।

कुतो विकारोऽयमभूतपूर्वः स्वेनापराधेन ममापचारात् ॥ १४ ॥

"Chàng thuộc hạng người cao thượng, hoàn thiện, bản chất từ hòa, luôn nể nang ta, lại còn rất nhã nhặn. Vậy do đâu mà chàng lại thay đổi ? Điều này vốn không xảy ra trước đây, phải chăng chàng đã thay lòng đổi dạ ? Hay là vì ta đã hành xử sai sót ?" (14)

रतिप्रियस्य प्रियवर्तिनो मे प्रियस्य नूनं हृदयं विरक्तं ।

तथापि रागो यदि तस्य हि स्यान् मच्चित्तरक्षी न स नागतः स्यात् ॥ १५ ॥

"Chàng yêu ta và đã từng yêu đương lạc thú với ta. Phải chăng trái tim của người yêu ta đã thay đổi; bởi vì, nếu lòng ái luyến của chàng vẫn như cũ, vẫn một lòng một dạ với ta, thì chàng không thể không trở về." (15)

रूपेण भावेन च मद्विशिष्टा प्रियेण दृष्टा नियतं ततोऽन्या।

तथा हि कृत्वा मयि मोघसान्त्वं लग्नां सतीं मामगमद्विहाय ॥ १६ ॥

"Chắc chắn rằng người yêu ta đã gặp một người đàn bà khác đẹp và hiền thục hơn ta rồi. Bởi vì chàng đã tỏ ra mềm mỏng với ta nhưng vô hiệu quả, giờ chàng phụ bạc và bỏ ta ra đi, trong khi ta vẫn còn quyến luyến với chàng." (16)

भक्तिं स बुद्धं प्रति यामवोचत्तस्य प्रयातुं मयि सोपदेशः।

मुनौ प्रसादो यदि तस्य हि स्यान्मृत्योरिवोग्रादनृताद्बिभीयात् ॥ १७ ॥

"Chàng nói rằng chàng nhiệt tình với Đức Phật cũng chỉ là sự lừa dối của chàng để mà bỏ rơi ta thôi. Bởi vì, nếu chàng đặt niềm tin vào Bậc Hiền-triết, lẽ ra chàng phải sợ hãi sự dối trá như là sợ tử thần dữ tợn kia vậy." (17)

सेवार्थमादर्शनमन्यचित्तो विभूषयन्त्या मम धारयित्वा।

बिभर्ति सोऽन्यस्य जनस्य तं चेन्नमोऽस्तु तस्मै चलसौहृदाय ॥ १८ ॥

"Khi chàng cầm cái gương phục vụ cho ta trang điểm thì tâm của chàng đã nghĩ về người khác. Nếu giờ này chàng đang cầm gương cho người khác, thì ta phải bái phục cái tình yêu tráo trở của chàng vậy." (18)

नेच्छन्ति याः शोकमवाप्तुमेवं श्रद्धातुमर्हन्ति न ता नराणां।

क्व चानुवृत्तिर्मयि सास्य पूर्वं त्यागः क्व चायं जनवत्क्षणेन ॥ १९ ॥

"Chị em nào không muốn gánh chịu sự khổ sầu như thế này thì chớ có tin tưởng lũ đàn ông. Đâu là sự ân cần của chàng đối với ta trước đây, và đâu là sự bỏ rơi trong nháy mắt của cái loại đàn ông này ?" (19)

इत्येवमादि प्रियविप्रयुक्ता प्रियेऽन्यदाशङ्क्य च सा जगाद ।

संभ्रान्तमारुह्य च तद्विमानं तां स्त्री सबाष्पा गिरमित्युवाच ॥ २० ॥

Vì bị xa cách người yêu, Sundarī tiếp tục nghĩ ngợ điều này điều nọ về chồng và đã nói lên những điều như thế. Rồi một cô nữ tỳ, vội nước mắt ràn rụa, chạy vội lên lầu nói với nàng như vầy: (20)

युवापि तावत्प्रियदर्शनोऽपि सौभाग्यभाग्याभिजनान्वितोऽपि ।

यस्त्वां प्रियो नाभ्यचरत्कदाचत्तमन्यथा यास्यतिकातरासि ॥ २१ ॥

- "Công nương à, mặc dù người yêu của công nương trẻ trung, có dáng vẻ đáng yêu, được phú bẩm với sự lịch thiệp, giàu sang, và quyền qúy, nhưng chưa bao giờ hành sử sai trái đối với công nương. Vậy xin công nương chớ quá nóng nảy và đối xử trái nghịch như vậy đối với chàng." (21)

मा स्वामिनं स्वामिनि दोषतो गाः प्रियं प्रियार्हं प्रियकारिणं तं ।

न स त्वदन्यां प्रमदामवैति स्वचक्रवाक्या इव चक्रवाकः ॥ २२ ॥

"Công nương ơi, xin chớ hờn giận công tử yêu qúy của công nương. Công tử luôn tỏ ra yêu mến công nương và xứng đáng với tình yêu của công nương. Chàng không quan tâm đến một người đàn bà nào khác ngoài công nương, tương tợ như con vịt trời trống chỉ biết có mỗi một mình ả vịt trời mái của nó vậy." (22)

स तु त्वदर्थं गृहवासमीप्सन् जिजीविषुस्त्वत्परितोषहेतोः ।

भ्रात्रा किलार्येण तथागतेन प्रव्राजितो नेत्रजलार्द्रवक्त्रः ॥ २३ ॥

"Công tử chỉ muốn được ở nhà để vui thú cùng công nương thôi. Chàng mong được sống để làm cho công nương vui vẻ. Nhưng nghe đâu, Đấng Như Lai tức là người anh cao quý của chàng đã cho chàng xuất gia rồi, và chàng đã rơi lệ ướt đẫm cả khuôn mặt." (23)

श्रुत्वा ततो भर्तरि तां प्रवृत्तिं सवेपथुः सा सहसोत्पपात।

प्रगृह्य बाहू विरुराव चोच्चैर्हृदीव दिग्धाभिहता करेणुः॥ २४॥

Sau khi nghe qua sự việc đã xảy ra cho chồng, Sundarī nhổm bật người dậy, toàn thân run rẩy. Nàng giơ hai tay lên trời rồi khóc vang ầm ĩ, trông giống như một con voi cái bị trúng mũi tên độc ở ngay tim. (24)

सा रोदनारोषितरक्तदृष्टिः संतापसंक्षोभितगात्रयष्टिः।

पपात शीर्णाकुलहारयष्टिः फलातिभारादिव चूतयष्टिः॥ २५॥

Mắt ngấn lệ đỏ ngầu vì giận dữ, tấm thân mảnh dẻ run lên vì bực bội, nàng ngã nhào xuống khiến những xâu chuỗi ngọc bị đứt lìa văng tung tóe, trông giống như một nhánh xoài trĩu trái bị gãy lìa. (25)

सा पद्मरागं वसनं वसाना पद्मानना पद्मदलायताक्षी।

पद्मा विपद्मा पतितेव लक्ष्मीः शुशोष पद्मस्त्रगिवातपेन॥ २६॥

Trong bộ y phục đỏ hồng màu hoa sen, với khuôn mặt như một đóa sen, và đôi mắt dài như hình cánh sen, Sundarī là một đóa hoa sen, trông giống như nữ thần sắc đẹp Lakṣmī* (Lắk-s-mì) trong khi bị đọa đày không còn cầm đóa sen. Và nàng đang bị phai tàn trông giống như là một lẵng hoa sen bị héo úa vì sức nóng mặt trời. (26)

संचिन्त्य संचिन्त्य गुणांश्च भर्तुर्दीर्घं नशश्वास ततास चैव ।

विभूषणश्रीनिहिते प्रकोष्ठे ताम्रे कराग्रे च विनिर्दुधाव ॥ २७ ॥

Nàng đã liên tục nghĩ suy về đức hạnh của chồng, chợt nàng thở ra một hơi dài và cảm thấy choáng váng. Nàng run rẩy huơ lên hai cánh tay được tô điểm bởi nữ trang sáng ngời và các móng tay sơn màu đỏ sậm. (27)

नभूषणार्थो मम संप्रतीति सा दिक्षु चिक्षेप विभूषणानि ।

निर्भूषणा सा पतिता चकाशे विशीर्णपुष्पस्तबका लतेव ॥ २८ ॥

- *"Giờ đây ta đâu cần đồ nữ trang nữa,"* và nàng đã ném các món đồ trang sức tứ tung. Rồi nàng ngã xuống, không còn đồ trang sức, nên nàng trông giống như một nhánh giây leo trơ trụi vì các chùm hoa đã bị cắt đi. (28)

धृतः प्रियेणायमभून्ममेति रुवमत्सरुं दर्पणमालिलिङ्गे ।

यत्नाच्च विन्यस्ततमालपत्त्रौ रुष्टेव धृष्टेव धृष्टं प्रममार्ज गण्डौ ॥ २९ ॥

Nàng đã cầm cái gương soi có cán bằng vàng lên và nói rằng: *"Cái này đã được chàng cầm cho ta soi mặt."* Rồi dường như bị kích động, nàng dùng sức chà xát mạnh ở hai gò má, nơi có hai vết son được vẽ lên bởi nhựa của lá cây tamàla (tá-ma-lá). (29)

सा चक्रवाकीव भृशं चुकूज श्येनाग्रपक्षक्षतचक्रवाका ।

विस्पर्धमानेव विमानसंस्थैः पारावतैः कूजनलोलकण्ठैः ॥ ३० ॥

Nàng liên tục than vãn, trông giống như con vịt trời mái rên rỉ khi con vịt trời trống bị con diều hâu làm bị thương ở phần chóp của cánh; tưởng chừng như nàng đang

thi đua với các chú bồ câu quây quần ở nóc lâu đài đang rung cổ họng kêu rù rù. (30)

विचित्रमृद्वास्तरणेऽपि सुप्ता वैडूर्यवज्रप्रतिमण्डितेऽपि।

रुक्माङ्गपादे शयने महार्हे न शर्म लेभे परिचेष्टमाना ॥ ३१ ॥

Mặc dù đang nằm dài trên chiếc giường qúy giá có chân khảm vàng, được điểm tô với ngọc bích và kim cương, lại còn được trải lên bởi đủ thứ tơ lụa mịn màng, nhưng nàng cứ trăn qua trở lại mà vẫn không tìm được sự thoải mái. (31)

संदृश्य भर्तुश्च विभूषणानि वासांसि वीणाप्रभृतींश्च लीलाः।

तमो विवेशाभिननाद चोच्चैः पङ्कावतीर्णेव च संससाद ॥ ३२ ॥

Và khi nhìn thấy những đồ trang sức, y phục, cây đàn vīṇā* (vi-na), và những món đồ tiêu khiển khác của chồng, nàng lại than vãn rồi chìm đắm trong bóng đêm sầu muộn như đang bị lún sâu vào một đầm lầy. (32)

सा सुन्दरी श्वासचलोदरी हि वज्राग्निसंभिन्नदरी गुहेव।

शोकाग्निनान्तर्हृदि दह्यमाना विभ्रान्तचित्तेव तदा बभूव ॥ ३३ ॥

Bởi vì Sundarī, với lồng ngực run rẩy bởi những hơi thở dài như là một hang động sâu thẳm bị chẻ đôi bởi tia lửa chớp của sấm sét, đang bị thiêu đốt tận từ trong trái tim bởi ngọn lửa sầu muộn; cho nên vào lúc ấy, tâm trí nàng dường như đang ở tận đâu đâu. (33)

रुरोद मम्लौ विरुराव जग्लौ बभ्राम तस्थौ विललाप दध्यौ।

चकार रोषं विचकार माल्यं चकर्त वक्त्रं विचकर्ष वस्त्रं ॥ ३४ ॥

Nàng khóc lóc rồi lịm người đi. Nàng rên rỉ rồi nín lặng. Nàng đi đi lại lại rồi đứng yên một chỗ. Nàng nói huyên thuyên rồi lại đăm chiêu nghĩ ngợi. Nàng chợt nổi giận, vất tung các tràng hoa. Nàng cào cấu mặt mày rồi lại xé nát xiêm y. (34)

तां चारुदन्तीं प्रसभं रुदन्तीं संश्रुत्य नार्यः परमाभितप्ताः ।

अन्तर्गृहादारुरुहुर्विमानं त्रासेन किंनर्य इवाद्रिपृष्ठं ॥ ३५ ॥

Các nàng nữ tỳ nghe tiếng khóc lóc dữ dội của Sundarì, người mỹ nhân tuyệt sắc, trở nên vô cùng hốt hoảng. Từ ở dưới nhà, họ vội vã chạy lên lầu với bao nỗi lo âu, trông như là những nữ nhân kinnarì đang đi lên ở bên sườn núi. (35)

बाष्पेण ताः क्लिन्नविषण्णवक्त्रा वर्षेण पद्मिन्य इवार्द्रपद्माः ।

स्थानानुरूपेण यथाभिमानं निलिल्यिरे तामनुदह्यमानाः ॥ ३६ ॥

Với những khuôn mặt thảm sầu tràn trề nước mắt trông giống như một cụm hoa sen với những đoá hoa sen bị ướt đẫm bởi nước mưa, các nàng đã ngồi xuống bên nhau theo vai vế thứ bậc để cùng chia xẻ nỗi đớn đau của chủ nhân. (36)

ताभिर्वृता हर्म्यतलेऽङ्गनाभिश्चिन्तातन्तुः सा सुतनुर्बभासे ।

शतह्रदाभिः परिवेष्टितेव शशाङ्कलेखा शरदभ्रमध्ये ॥ ३७ ॥

Ngồi giữa các nàng nữ tỳ ở trên sàn nhà của toà lâu đài, nàng Sundarì với thân hình thon thả và nỗi ưu tư với nhẹ, trông giống như ánh trăng lưỡi liềm được bao quanh bởi hàng trăm tia sáng ở giữa một đám mây vào mùa thu. (37)

या तत्र तासां वचसोपपन्ना मान्या च तस्या वयसाधिका च।

सा पृष्ठतस्तां तु समालिलिङ्गे प्रमृज्य चाश्रूणि वचांस्युवाच ॥ ३८ ॥

Ở đó, có nàng nữ tỳ trọng tuổi nhất trong các nàng, là người khéo ăn nói và được Sundarī vì nể. Cô ta đã ôm choàng lấy Sundarī từ phía sau, lau khô nước mắt cho nàng, và nói lên những lời như vầy: (38)

राजर्षिवंध्वास्तव नानुरूपो धर्माश्रिते भर्तरि जातु शोकः।

इक्ष्वाकुवंशे ह्यभिकाङ्क्षितानि दायाद्यभूतानि तपोवनानि ॥ ३९ ॥

- "Là vợ của một ẩn sĩ xuất thân vương giả, sự sầu muộn của công nương như vậy là không hợp lẽ chút nào khi chồng hiến thân cho Giáo-pháp. Bởi vì theo truyền thống của dòng dõi Ikṣvāku *thì những khu rừng khổ hạnh là tài sản thừa tự được quý yêu bậc nhất."* (39)

प्रायेण मोक्षाय विनिःसृतानां शाक्यर्षभाणां विदिताः स्त्रियस्ते।

तपोवनानीव गृहाणि यासां साध्वीव्रतं कामवदाश्रितानां ॥ ४० ॥

"Theo thông lệ, khi mà các vị anh hùng dòng Śàkya xuất gia vì mục đích giải thoát, thì những người vợ như công nương cũng sẽ hy sinh cho tình yêu, giữ gìn tiết hạnh của một người vợ đoan chính, và xem nhà ở cũng như là một khu vườn khổ hạnh vậy. " (40)

यद्यन्यया रूपगुणाधिकत्वाद्धर्ता हृतस्ते कुरु बाष्पमोक्षं।

मनस्विनी रूपवती गुणाढ्या हृदि क्षते कात्र हि नाश्रु मुञ्चेत् ॥ ४१ ॥

"Nếu chồng nàng bị một người đàn bà khác đẹp và đức hạnh hơn đoạt mất, thì nàng hãy để cho nước

mắt tuôn rơi; bởi vì, ở vào trường hợp ấy, trong khi bản thân mình cũng là một người đàn bà khôn khéo, xinh đẹp, và đầy đủ đức hạnh, thì có cô nào lại không rơi nước mắt một khi trái tim bị thương tổn ? " (41)

अथापि किंचिद्व्यसनं प्रपन्नो मा चैव तद्भूत्सदृशोऽत्र बाष्पः ।

अतो विशिष्टं न हि दुःखमस्ति कुलोद्वतायाः पतिदेवतायाः ॥ ४२ ॥

"Hoặc hơn thế nữa, nếu chồng gặp phải một tai họa nào đó, mong sao việc ấy đã không xảy ra, thì trong trường hợp này, khóc lóc cũng là lẽ thường tình. Cho nên, không có gì đau khổ hơn điều ấy cả, bởi vì chồng được xem như là một vị thiên thần đang hiện diện trong gia đình vậy." (42)

अथ त्विदानीं लडितः सुखेन स्वस्थः फलस्थो व्यसनान्यदृष्ट्वा ।

वीतस्पृहो धर्ममनुप्रपन्नः किं विक्लवा रोदिषि हर्षकाले ॥ ४३ ॥

"Nhưng giờ đây, công tử không bị các tai họa, đang thực hành Giáo-pháp, đang được an vui, tự chủ, đang gặt hái những kết quả, và không còn lòng tham đắm; giờ là lúc nên vui mừng, tại sao công nương lại sầu thảm khóc lóc ?" (43)

इत्येवमुक्तापि बहुप्रकारं स्नेहात्तया नैव धृतिं चकार ।

अथापरा तां मनसोऽनुकूलं कालोपपन्नं प्रणयादुवाच ॥ ४४ ॥

Mặc dù được người nữ tỳ có lòng trìu mến dùng nhiều lý lẽ để khuyên giải, nhưng nàng Sundarì vẫn không thể bình tâm lại. Sau đó, một cô tỳ nữ khác, với lòng thương mến, đã nói phù hợp với tâm ý của Sundarì và lại còn thích hợp với thời điểm nữa: (44)

ब्रवीमि सत्यं सुविनिश्चितं मे प्राप्तं प्रियं द्रक्ष्यसि शीघ्रमेव।

त्वया विना स्थास्यति तत्र नासौ सत्त्वाश्रयश्चेतनयेव हीनः॥ ४५॥

- *"Tiện thiếp khẳng định với công nương một sự thật chắc chắn là công nương sẽ thấy người yêu quay trở về rất là nhanh. Thiếu vắng công nương, công tử không thể nào sống ở nơi đó đâu, tương tợ như là không có tâm thức thì thân xác này không thể tồn tại."* (45)

अङ्केऽपि लक्ष्म्या न स निर्वृतः स्यात् त्वं तस्य पार्श्वे यदि तत्र न स्याः।

आपत्सु कृच्छ्रास्वपि चागतासु त्वां पश्यतस्तस्य भवेन्न दुःखं॥ ४६॥

"Cho dù đang tỳ vào ngực của một mỹ nhân, công tử cũng không vui sướng nếu lúc ấy bên cạnh chàng không phải là công nương. Và ngay cả khi tai biến xảy đến và giáng họa, công tử cũng sẽ không khổ sở khi được nhìn thấy công nương." (46)

त्वं निर्वृतिं गच्छ नियच्छ बाष्पं तप्ताश्रुमोक्षात्परिरक्ष चक्षुः।

यस्तस्य भावस्त्वयि यश्च रागो न रंस्यते त्वद्विरहात्स धर्मे॥ ४७॥

"Công nương hãy vui vẻ lên, hãy ngăn giòng nước mắt lại, và giữ gìn đôi mắt tránh khỏi những giọt lệ nóng hổi kia. Mọi cảm nghĩ và lòng yêu thương của công tử đều dành cho công nương. Công tử cũng sẽ không có vui thú gì trong Giáo-pháp một khi phải bỏ bê công nương như vầy." (47)

स्यादत्र नासौ कुलसत्त्वयोगात्कषायमादाय विहास्यतीति।

अनात्मनादाय गृहोन्मुखस्य पुनर्विमोक्तुं क इवास्ति दोषः॥ ४८॥

"Trong trường hợp này, có thể nghĩ rằng: 'Sau khi nhận lãnh y cà-sa, công tử không thể nào từ bỏ nó vì sự ràng buộc với gia tộc và vì sĩ diện cá nhân.' Nhưng nếu nhận lãnh y không do ý muốn của mình, thì có điều gì sai trái nếu công tử lại từ bỏ y cà-sa để quay trở về nhà ?" (48)

इति युवतिजनेन सान्त्व्यमाना हृतहृदया रमणेन सुन्दरी सा ।

द्रमिडमभिमुखी पुरेव रम्भा क्षितिमगमत्परिवारिताप्सरोभिः ॥ ४९ ॥

Khi được nàng tỳ nữ an ủi như thế, Sundarì, với trái tim bị người yêu chiếm đoạt, đã quay trở về lại lâu đài của mình, tương tợ như tiên nữ Rambhà (Ram-b-há) trong truyền thuyết, được các nàng Apsara tháp tùng, đã đi đến trái đất để tìm kiếm Dramida (Đrá-mí-đá) vậy. (49)

सौन्दरनन्दो महाकाव्ये भार्याविलापो नाम षष्टः सर्गः ।

Chương thứ sáu *"Lời than vãn của vị hôn thê"*
của bộ trường thi *"Saundarananda"*